

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

---

**TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP XI MĂNG VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG BỈM SƠN**



# **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2014**



Bỉm sơn, tháng 04 năm 2015

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG BÌM SƠN**  
**Năm 2014**

**I. Thông tin chung**

**1. Thông tin khái quát**

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG BÌM SƠN
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 2800232620
- Vốn điều lệ: 956.613.970.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 956.613.970.000 đồng
- Địa chỉ: Phường Ba Đình - Thị xã Bim Sơn - Tỉnh Thanh Hóa
- Số điện thoại: (037) 3.824.242
- Số fax: (037) 3.824.046
- Website: <http://ximangbimson.com.vn>
- Mã cổ phiếu: BCC

**2. Quá trình hình thành và phát triển**

Từ năm 1968 đến năm 1974 công trình xi măng Bim Sơn bắt đầu khảo sát, thăm dò địa chất và chính thức khởi công. Sau quá trình xây dựng nhà máy từ năm 1975 đến năm 1980 Chính phủ đã ra Quyết định số 334/BXD-TCCB ngày 04/03/1980 thành lập Nhà máy xi măng Bim Sơn.

Nhà máy xi măng Bim Sơn có công suất thiết kế 1,2 triệu tấn sản phẩm/năm với trang thiết bị kỹ thuật công nghệ hiện đại của Liên Xô (cũ). Được trang bị hai dây chuyền với công nghệ theo phương pháp ướt, mỗi dây chuyền có công suất 0,6 triệu tấn/năm.

Ngày 22/12/1981, sau 2 năm thi công, dây chuyền số 1 của nhà máy chính thức đi vào hoạt động, và những bao xi măng đầu tiên mác P400 nhãn hiệu “Con voi” đã chính thức xuất xưởng.

Ngày 6/11/1983, dây chuyền số 2 được hoàn thành và bắt đầu đi vào hoạt động. Từ năm 1982 đến 1985, các đơn vị tiếp tục xây lắp và hoàn chỉnh nhà máy.

Ngày 12/8/1993, Bộ Xây dựng ra Quyết định số 366/BXD-TCLĐ hợp nhất Công ty kinh doanh Vật tư số 4 và Nhà máy xi măng Bim Sơn, đổi tên thành Công ty xi măng Bim Sơn, là công ty nhà nước trực thuộc Tổng Công ty xi măng Việt Nam.

Tháng 3/1994, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Dự án đầu tư cải tạo hiện đại hoá dây chuyền số 2 Nhà máy xi măng Bim Sơn, chuyển đổi công nghệ ướt sang công nghệ khô hiện đại. Dự án được khởi công ngày 13/01/2001 do hãng IHI Nhật Bản trúng thầu nâng công suất lò nung số 2 từ 1.750 tấn Clinker/ngày lên 3.500 tấn Clinker/ngày.

Ngày 23/03/2006 Bộ Xây dựng ra Quyết định số 486/QĐ-BXD chuyển doanh nghiệp nhà nước Công ty xi măng Bim Sơn thuộc Tổng công ty xi măng Việt Nam thành Công ty Cổ phần xi măng Bim Sơn.

Ngày 01/05/2006, Công ty Cổ phần xi măng Bim Sơn đã chính thức đi vào hoạt động với số vốn điều lệ 900 tỷ đồng; trong đó: vốn nhà nước chiếm 89,58% tương đương 806,223 tỷ đồng.

Ngày 20/09/2006, Công ty Cổ phần xi măng Bim Sơn bán đấu giá lần 2, tỷ lệ phần vốn nhà nước nắm giữ còn 74,04%, các cổ đông khác 25,96%.

Ngày 24/11/2006 Công ty đã chính thức được cấp giấy Niêm yết cổ phiếu trên Trung tâm GDCK Hà Nội do UBCKNN cấp.

Ngày 01/03/2007, Công ty chuyển đổi mô hình tiêu thụ từ hình thức Đại lý hưởng hoa hồng sang hình thức Đại lý bao tiêu (Nhà phân phối chính); đồng thời chuyển chức năng nhiệm vụ của các Chi nhánh tại các tỉnh trước đây thành Văn phòng đại diện tại các tỉnh.

Ngày 07/11/2007, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ Công ty cổ phần xi măng Bim Sơn, số lượng cổ phiếu chào bán là: 10.000.000 cổ phiếu, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu;

Ngày phát hành (ngày chào bán cổ phiếu): ngày 7/12/2007;

Ngày kết thúc chào bán: ngày 31/12/2007;

Thời hạn đăng ký mua: từ ngày 7/12/2007 đến hết ngày 31/12/2007;

Kết quả chào bán cổ phiếu như sau:

- Bán ưu đãi cho cổ đông hiện hữu đã lưu ký : 4.445.897 cổ phiếu;
- Bán ưu đãi cho cổ đông hiện hữu chưa lưu ký: 6.795 cổ phiếu;
- Bán ưu đãi cho cán bộ công nhân viên trong Công ty: 1.215.500 cổ phiếu;
- Bán đấu giá: bằng không (vì lý do số lượng nhà đầu tư đăng ký tham dự đấu giá không đủ số lượng theo quy định nên cuộc đấu giá bị hủy);

Ngày 31/12/2007, kết quả tiền thu được từ phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ Công ty là: 113.227.940.000 đồng (theo giá bán ưu đãi là 20.000 đồng/cổ phiếu) tương đương với số cổ phiếu tăng lên là 5.661.397 cổ phiếu;

Sau khi báo cáo kết quả phát hành chào bán cổ phiếu, vốn điều lệ Công ty tăng từ 900 tỷ đồng lên 956,6 tỷ đồng;

Cơ cấu vốn của tổ chức phát hành sau đợt chào bán:

Danh mục	DVT: 1.000 đồng	Tỷ lệ (%)
Cổ đông lớn (nắm giữ từ 5% cổ phiếu có quyền biểu quyết (Tổng Công ty công nghiệp Xi măng Việt Nam)	699.720.620	73,146
Cổ đông nắm giữ dưới 1% cổ phiếu có quyền biểu quyết	256.893.350	26,854

### 3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

\* Ngành nghề kinh doanh:

- Sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu xi măng, clinker.
- Sản xuất, kinh doanh các loại vật liệu xây dựng khác.

- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi và các công trình kỹ thuật hạ tầng; Sản xuất bê tông thương phẩm và các cấu kiện bê tông đúc sẵn.
- Sửa chữa, trung tu, đại tu các loại ô tô, máy xúc, máy ủi, xe cẩu.
- Tư vấn đầu tư xây dựng, lập dự án, quản lý dự án.
- Gia công chế tạo các mặt hàng cơ khí, khai thác chế biến khoáng sản sản xuất xi măng, kinh doanh các loại phụ gia xi măng.
- Dịch vụ ăn uống, nhà nghỉ, kinh doanh dịch vụ thương mại tổng hợp, kinh doanh bất động sản.

*\* Địa bàn kinh doanh:*

Sản phẩm xi măng và clinker của Công ty được tiêu thụ trên những thị trường chủ yếu là Thanh Hoá, Ninh Bình, Nam Định, Hà Tây, Hà Nội, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Huế, Quảng Nam, Đà Nẵng. Riêng clinker, công ty chủ yếu cấp cho đơn vị công ty thuê gia công như: Công ty Thạch cao xi măng, Công ty xi măng Hải Vân để nghiền và đóng bao tại Quảng Bình, và Công ty CP xi măng Miền Trung để phục cho địa bàn Quảng Ngãi, Quảng Nam, Khánh Hòa và Tây Nguyên.

**4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý**

*\* Mô hình quản trị:*

- Đại hội đồng cổ đông; Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị (bao gồm các Ủy ban chức năng); Ban điều hành đứng đầu là Tổng Giám đốc, các Phó tổng giám đốc và các Trưởng phòng khối chức năng. Cơ cấu tổ chức của Công ty được xây dựng trên nguyên tắc phân công, quản lý theo các khối chức năng công việc, có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Tổng Giám đốc quản lý, điều hành thông qua việc phân cấp, phân quyền để trực tiếp giải quyết các công việc cụ thể của khối thông qua trưởng phụ trách khối.

- Nhìn chung, mô hình quản trị mới đã được xây dựng và tiếp cận với các chuẩn mực và thông lệ quốc tế. Việc cơ cấu lại mô hình quản trị đã bước đầu tăng cường hiệu quả quản lý, quản trị điều hành, nâng cao hiệu quả quản trị của Hội đồng quản trị đối với bộ máy điều hành; thực hiện chức năng quản trị vốn đầu tư của chủ sở hữu.

- Để nâng cao hiệu quả quản trị công ty theo chuẩn mực quốc tế, Hội đồng quản trị đã thành lập các Ủy ban, Hội đồng chức năng giúp việc để có thể thực hiện công tác chỉ đạo chiến lược, kiểm toán, quản lý tài chính, rủi ro, nhân sự cao cấp và đầu tư.

*\* Cơ cấu bộ máy quản lý:*

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông bầu ra Hội đồng quản trị của Công ty. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý cao nhất giữa hai kỳ đại hội cổ đông, có trách nhiệm quản lý và tổ chức thực hiện các nghị quyết của đại hội cổ đông cùng kỳ, có toàn quyền nhân danh công ty, thay mặt cổ đông để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội cổ đông được quy định trong điều lệ của Công ty.

Ban kiểm soát do Đại hội cổ đông bầu ra và chịu trách nhiệm trước các cổ đông và pháp luật về những kết quả công việc của Ban kiểm soát với Công ty.

Tổ chức bộ máy quản lý hiện tại của công ty bao gồm: Tổng Giám đốc điều hành, 03 Phó Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và 01 Trưởng phòng Kế toán Thống kê Tài chính do Tổng Giám đốc bổ nhiệm; là cơ quan tổ chức điều hành, quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty theo mục tiêu, định hướng chiến lược và kế hoạch mà Đại hội cổ đông và Hội đồng quản trị đã thông qua.

Tổ chức bộ máy của Công ty hiện nay được phân chia theo chức năng gồm:

- 13 Phòng ban
- 01 Ban quản lý dự án
- 08 Phân xưởng
- 01 Xí nghiệp tiêu thụ
- 01 Chi nhánh Quảng Trị
- 01 Trạm kinh doanh xăng dầu Ninh Bình.
- 01 Trạm y tế.

\* Các công ty con:

- a. Tên công ty: Công ty cổ phần xi măng Miền Trung  
Tên công ty viết tắt: CRC.,JSC
- b. Địa chỉ trụ sở chính: Thôn Tân Hy, Xã Bình Đông, Huyện Bình Sơn, Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam.
- c. Ngành, nghề kinh doanh chính:
  - Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao.
  - Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.
- d. Vốn điều lệ: 129.600.000.000 đồng, tương ứng 12.960.000 cổ phần.
  - Tỷ lệ sở hữu của Công ty tại CRC là 9.953.280 cổ phần tương ứng 76,8%.

## 5. Định hướng phát triển

a, Mục tiêu chủ yếu của Công ty:

\* Mục tiêu về sản xuất:

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2015
<b>Sản xuất Clinker</b>	<b>Tấn</b>	<b>2.915.000</b>
Lò 2	”	1.166.000
Lò 3	”	1.749.000

- Lập kế hoạch khai thác cụ thể để duy trì ổn định thành phần hóa phối liệu cấp cho lò.
- Kiểm soát tiêu hao năng lượng, nâng cao công tác quản lý và tiết kiệm xăng dầu.
- Kiểm soát và giám sát chặt chẽ nhập nguyên, nhiên liệu đầu vào.
- Tối ưu phối liệu, vận hành sản xuất clinker nâng cao mức nền.

- Xây dựng quy trình kiểm soát thiết bị, bảo dưỡng phòng ngừa. Giao nhiệm vụ cho các đơn vị nhằm đảm bảo thiết bị hoạt động ổn định, có chế tài khi để xảy ra sự cố.
  - Nâng cao ý thức trách nhiệm trong vận hành thiết bị và sử dụng điện sinh hoạt.
  - Tổ chức triển khai sửa chữa lớn 2 lò nung đáp ứng yêu cầu kỹ thuật và tiến độ. Đặc biệt hoàn thành cải tạo cooler lò 2 trong thời gian dừng sửa chữa lớn năm 2015.
  - Xác định được nguyên nhân và khắc phục triệt để hiện tượng bất ổn của lò 3: phi bụi; lọc bụi tĩnh điện.
  - Tăng tỷ lệ pha đá vôi và sét đen trong các dòng sản phẩm PCB40 và PCB30 tối thiểu 15%; đối với PCB40 công nghiệp là 16%.
  - Đưa vào sử dụng Xi lò cao, tro bay để giảm tỷ lệ sử dụng clinker trong xi măng.
  - Cải tạo NXM tại Trạm nghiền Quảng Trị, tăng tỷ lệ pha phụ gia.
  - Hỗ trợ xi măng miền Trung để nâng cao năng suất, chất lượng và năng lực xuất hàng.
- Đặc biệt đưa phân khúc PCB40 CN vào thị trường.

\* Mục tiêu về tiêu thụ:

- Sản lượng:

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2015
<b>Tổng tiêu thụ</b>	<b>Tấn</b>	<b>4.097.000</b>
Xi măng	”	3.582.000
Clinker bán	”	515.000

- Thị phần:

Hà Nội	Nam Định	Thanh Hóa	Nghệ An	Hà Tĩnh	Quảng Bình	Quảng Trị	TT Huế	Quảng Ngãi
40	35	55	13	30	30	60	20	40

- Đa dạng hóa sản phẩm. Đặc biệt xi măng cho phân khúc công nghiệp.
- Kiểm soát hoạt động của các NPPC, thống nhất giá bán đến từng địa bàn và lợi nhuận NPPC, cửa hàng VLXD.
- Thực hiện chính sách chương trình nông thôn mới của tỉnh Thanh Hóa năm 2015.
- Lắp đặt kết cấu XM tại Quảng Trị & Quảng Ngãi đáp ứng đa dạng hóa sản phẩm.
- Ứng dụng hiệu quả CNTT trong bán hàng và quản lý khách hàng.
- Truyền thông bộ giá trị của xi măng Bim Sơn tới khách hàng.

\* Mục tiêu tài chính:

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2015
Doanh thu	Triệu đồng	4.192.953
Lợi nhuận	”	171.740
Nộp NSNN	”	150.242
EBITDA	”	697.183
Chia cổ tức năm 2015	%	0

- Xây dựng kế hoạch tài chính cho các dự án, trả nợ, đảm bảo dòng tiền cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Phối hợp kiểm soát chặt chẽ ngân sách các đơn vị.

- Nâng cao quản lý công nợ, công tác tài chính nhằm giảm thiểu các rủi ro.

- Giảm vốn vay lưu động.

- Đưa ra phương án phát hành thêm cổ phiếu trong năm 2015.

\* Mục tiêu đầu tư:

- Dây chuyền mới: Hoàn thành việc tổng hợp báo cáo và thẩm tra quyết toán trong quý I/2015 dự án dây chuyền mới.

- Trung tâm điều hành Vicem Bim Sơn: Hoàn thành việc xây dựng tường rào, rà phá bom mìn, triển khai công tác san lấp mặt bằng.

- Chuyển đổi công nghệ NXM đến Đóng bao: Phê duyệt và triển khai thực hiện dự án: Lựa chọn nhà thầu, nhà cung cấp và nhà thầu xây dựng.

- Chuyển đổi nâng công suất DC1: Lựa chọn nhà thầu lập đề án thăm dò, xin cấp phép thăm dò các mỏ nguyên liệu đá vôi, sét.

- Tuyển băng tải vận chuyển đá sạch và vận chuyển xi măng: Tổ chức thi công xây lắp, nghiệm thu và bàn giao công trình đưa vào sử dụng.

- Sửa chữa và cải tạo cooler lò 2: Tổ chức lựa chọn nhà thầu và thực hiện hợp đồng.

- Mở tuyển vận chuyển đá voi từ cao độ +28 lên cao độ +140: Lập và phê duyệt dự án để tổ chức thi công.

\* Mục tiêu về quản trị:

- Tiếp tục tái cấu trúc cơ cấu tổ chức của Công ty trên cơ sở bám sát chỉ đạo của Vicem và theo định hướng chiến lược phát triển Công ty.

- Tiến hành ký lại hợp đồng lao động cho toàn thể CBCNV trong toàn Công ty.

- Hoàn thiện bộ định mức lao động và hệ thống thang bảng lương mới của Công ty.

- Hoàn thiện hệ thống đánh giá hiệu quả công việc theo KPI, để đánh giá công bằng hơn đồng thời tạo động lực cho người lao động.

- Rà soát, sửa đổi, ban hành các quy định đáp ứng điều kiện SXKD mới của Công ty.

- Thực hiện đào tạo và đào tạo lại theo ngân sách 2015 đã được phê duyệt.

- Chuẩn hóa lại hệ thống cơ sở hạ tầng Công nghệ thông tin của Công ty

- Triển khai dự án ERP theo lộ trình của Vicem

- Hoàn thiện hệ thống báo cáo SXKD, quản trị

- Xây dựng và phát triển hệ thống websale và BI

\* Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- Chiến lược thị trường:

+ Đảm bảo lợi nhuận cho khách hàng, gia tăng giá trị tới khách hàng bằng các dịch vụ vượt trội so với các đối thủ cạnh tranh.

- + Lập phương án Logistic, các phương án để điều phối có hiệu quả nhằm đảm bảo nguồn cung liên tục, đầy đủ cho khách hàng, đồng thời giảm chi phí vận tải.
- + Tăng cường thu thập thông tin thị trường, rà soát lại các chính sách các phương án marketing cho từng phân khúc khách hàng để điều chỉnh việc giao sản lượng và động viên các NPP, hệ thống bán hàng thực hiện mục tiêu.
- + Sắp xếp hệ thống phân phối (NPPC, CHVLXD, nhà xe kinh doanh). Tiếp tục rà soát và giao các chỉ tiêu theo mô hình BSC (từ mục tiêu sản lượng, thị phần, năng lực vận tải, năng lực quản lý, năng lực tài chính) cho hệ thống phân phối cụ thể và chặt chẽ hơn trên cơ sở có thưởng, phạt cụ thể, tạo niềm tin cho hệ thống phân phối.
- + Rà soát thị trường, mở rộng độ phủ tới các vùng có thị phần thấp tại các địa bàn cốt lõi.
- + Kiểm soát chặt chẽ thị trường tiêu thụ, kiện toàn và kiểm soát hệ thống phân phối, nâng cao năng lực của đội ngũ nhân viên thị trường.
- + Triển khai nghiên cứu, đánh giá chất lượng để sản xuất xi măng cho bê tông thương phẩm phù hợp với các công trình dân dụng, công nghiệp.
- + Triển khai đưa phân khúc PCB40 công nghiệp tại Xi măng Miền Trung vào thị trường ổn định.
- + Tăng cường phối hợp để đẩy mạnh xuất khẩu xi măng và Clinker cùng với Vicem.
- + Tiếp tục củng cố và xây dựng hệ thống, đội ngũ marketing, thương vụ, dịch vụ kỹ thuật, dịch vụ khách hàng...
- + Ứng dụng có hiệu quả nguồn lực công nghệ thông tin trong bán hàng và quản lý khách hàng POS/CRM.
- + Thực hiện tốt chính sách chương trình nông thôn mới trên địa bàn Thanh hóa.
- Tối ưu hóa trong hoạt động sản xuất
  - + Kiểm soát chặt chẽ nguồn nguyên liệu đầu vào và chất lượng, nguồn gốc phụ gia tại các Trạm nghiền.
  - + Tối ưu hóa công đoạn khai thác và vận chuyển nguyên liệu.
  - + Kiểm soát tiêu hao năng lượng, nâng cao công tác quản lý và tiết kiệm xăng dầu.
  - + Tối ưu phối liệu, vận hành sản xuất clinker nâng cao mức nền.
  - + Xây dựng quy trình kiểm soát thiết bị, bảo dưỡng phòng ngừa. Giao nhiệm vụ cụ thể và gắn trách nhiệm cho từng đơn vị.
  - + Nâng cao khả năng phối hợp nội bộ giữa các đơn vị.
  - + Chuẩn hóa các quy trình thí nghiệm, phối liệu, vận hành nhằm mục tiêu là sản xuất Clinker có độ hoạt tính cao, tối ưu hóa tiêu hao điện năng và nhiệt năng.
  - + Điều chỉnh tăng tỷ lệ pha phụ gia cho xi măng trên cơ sở điều hành khoa học, linh hoạt, hiệu quả phù hợp với nguồn Clinker sử dụng (tăng tỷ lệ đá vôi, không tăng bazan).
  - + Cải tạo NXM tại Quảng Trị, tăng tỷ lệ pha phụ gia và năng suất thiết bị.



- + Nghiên cứu, lập kế hoạch cải tạo các vật tư phụ tùng tồn kho để tái sử dụng.
- + Thực hiện công tác bảo dưỡng thiết bị định kỳ, bảo dưỡng phòng ngừa.
- Hoạt động tài chính:
  - + Tiếp tục kiểm soát dòng tiền, cân đối dòng tiền, đàm phán hạ lãi suất... bảo đảm nguồn tiền cho hoạt động sản xuất kinh doanh và trả nợ dự án.
  - + Phối hợp kiểm soát chặt chẽ ngân sách các đơn vị, kiểm soát chi phí thông qua các "Trung tâm chi phí".
  - + Nâng cao kỹ năng quản lý công nợ nhằm giảm thiểu rủi ro tài chính.
  - + Thực hiện đảo nợ, sắp xếp, phân loại các khoản nợ để điều chỉnh kỳ hạn trả vốn, gia hạn nợ phù hợp với khả năng trả nợ của Công ty.
  - + Đàm phán với nhà cung cấp để tăng hạn mức và dư nợ chậm trả.
  - + Cập nhật diễn biến của thị trường tiền tệ để mua EUR trả nợ dự án.
  - + Giảm vốn vay lưu động.
- Hoạt động đầu tư:
  - + Triển khai thực hiện dự án chuyển đổi công nghệ NXM đến đóng bao.
  - + Hoàn thành việc sửa chữa và cải tạo cooler lò 2 nhằm nâng cao công suất và khắc phục hiện tượng dòng sông đỏ.
  - + Hoàn thành đưa vào sử dụng tuyến băng tải vận chuyển đá sạch và vận chuyển xi măng từ các Silo cũ sang các trạm đóng bao.
  - + Tiếp tục triển khai dự án Trung tâm điều hành Vicem Bim Sơn
  - + Phê duyệt và triển khai thực hiện việc chuyển đổi nâng công suất dây chuyền 1.
- Hoạt động quản trị
  - + Xây dựng chiến lược
    - . Hoàn thiện "chiến lược Công ty giai đoạn 2012 - 2020, tầm nhìn tới 2030.
  - + Tổ chức và nguồn nhân lực
    - . Xây dựng chi tiết lộ trình tái cấu trúc theo chiến lược đặt ra đến năm 2020 và tầm nhìn 2030.
    - . Tổng hợp, rà soát, sửa đổi, hoàn chỉnh và ban hành các nội quy, quy chế, quy định nhằm phù hợp với điều kiện thực tế hoạt động SXKD của Công ty trong.
    - . Nghiên cứu, sửa đổi và từng bước hoàn thiện chính sách tiền lương nhằm đảm bảo sự đãi ngộ công bằng và tạo động lực cho người lao động.
    - . Đào tạo, bồi dưỡng kiến thức từng bước nâng cao trình độ cho người lao động và trình độ quản lý cán bộ nguồn cho sự phát triển của Công ty.
    - . Tăng cường công tác đánh giá, luân chuyển nhân sự tạo động lực làm việc, khuyến khích sự đổi mới và sáng tạo.
  - + Công nghệ thông tin
    - . Chuẩn hóa hệ thống cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin của Công ty.
    - . Tiếp tục triển khai dự án ERP theo lộ trình của Vicem

- . Triển khai ứng dụng phân hệ tài chính kế toán (FIN) thuộc ERP
- . Ứng dụng phần mềm quản lý mua hàng (POS); quản lý hàng tồn kho (INV)
- . Triển khai ứng dụng phần mềm xây dựng và quản lý ngân sách Oracle Hyperion
- . Hoàn thiện hệ thống "Quản lý khách hàng và bán hàng qua mạng" CRM/POS
- . Hoàn thiện phần mềm quản lý ngân sách nội bộ.
- . Hoàn thiện hệ thống tính thuế thu nhập cá nhân.
- . Hoàn thiện hệ thống báo cáo SXKD và quản trị trong toàn Công ty.

\* *Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty:*

- Cấp chứng chỉ và áp dụng quy trình quản lý môi trường ISO 14001-2004.
- Thực hiện triển khai quy hoạch mặt bằng nhà máy theo kế hoạch.
- Giảm thiểu độc hại, tăng cường kỷ luật lao động.
- Đào tạo kỹ năng, truyền thông nâng cao ý thức cho người lao động về: ATLĐ-VSMT-PCCN; đảm bảo an toàn cho người và thiết bị trong sản xuất.
- Phân đấu 7 năm liên tục không có tai nạn lao động nặng, chết người xảy ra.

## **6. Các rủi ro:**

\* *Kinh tế - xã hội:*

Dự báo nền kinh tế thế giới tăng trưởng khoảng 4%, trong đó Mỹ tăng trưởng 3%, khu vực đồng Euro tăng 1,4%. Tuy nhiên một số nước gặp khó khăn về tài chính và tình hình bất ổn về chính trị sẽ kéo tăng trưởng chậm.

Năm 2015 dự báo có mức phục hồi cao hơn năm 2014 và mức tăng trưởng khoảng 6%-6,2%. CPI khoảng 5%. Lãi vay 5%-7%. Tổng nguồn vốn đầu tư phát triển toàn xã hội khoảng 30% GDP.

\* *Ngành xi măng:*

Ngành xi măng thế giới tăng trưởng khoảng 4%. Các nước phát triển tăng trưởng bình quân 5,3%.

Trong nước cung vượt cầu khoảng 10 triệu tấn (tổng cung 82,5 triệu tấn, nhu cầu 72,5 triệu tấn). Trong đó tiêu thụ nội địa khoảng 52,8 triệu tấn, xuất khẩu khoảng 20 triệu tấn.

## **II. Tình hình hoạt động trong năm**

### **1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:**

Kinh tế Việt Nam trong năm 2014 được ghi nhận như một năm bản lề chuyển sáng tích cực và rõ rệt, GDP năm 2014 ước tăng 5,98% cao nhất từ năm 2011 đến nay; trong đó khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 7,14%.

Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội đạt trên 1.220 nghìn tỷ đồng, tăng 11,5% so với năm trước, bằng 31% GDP.

Cán cân thương mại đã có thặng dư khá với mức xuất siêu cả năm đạt 2 tỷ USD bằng 1,3% tổng kim ngạch xuất khẩu.

Lạm phát cũng đã được kiểm soát tốt. CPI tháng 12 năm nay chỉ tăng 1,84% so tháng 12/2013, là mức thấp nhất trong vòng 13 năm trở lại đây.

Thị trường bất động sản đã có nhiều khởi sắc tích cực.

Tuy nhiên, Thị trường xi măng Việt Nam “cung” vượt xa so với “cầu” nên cạnh tranh ngày càng quyết liệt hơn.

Lãi suất ngân hàng tuy giảm nhưng các doanh nghiệp vẫn khó tiếp cận được nguồn vốn vay để phục hồi sản xuất và kinh doanh.

Quy định siết chặt quản lý hoạt động vận tải và kiểm soát tải trọng phương tiện của Bộ Giao thông vận tải từ ngày 1/4/2014 ảnh hưởng lớn đến giá cước vận tải.

Tiêu dùng xi măng năm 2014 đạt 48,77 triệu tấn, tăng 6,5% so với cùng kỳ 2013. Trong đó khu vực Miền Bắc tăng nhẹ 1,5%, Miền Trung tăng cao nhất 12,1% và Miền Nam tăng 8,1%.

Thị phần Vicem năm 2014 là 35,5% tăng 0,7% so với năm 2013 (năm 2013: 34,8%).

Tổng sản phẩm tồn kho Vicem tính đến ngày 31/12/2014 là: 1,39 triệu tấn (trong đó clinker 1,08 triệu tấn tương đương 21 ngày sản xuất).

Các chỉ tiêu cơ bản về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2014 nhìn chung đã đạt được so với mục tiêu đề ra.

## **2. Tổ chức và nhân sự:**

### **2.1. Cơ cấu tổ chức của tổ chức niêm yết:**

- Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông bầu ra HĐQT của Công ty, HĐQT là cơ quan quản lý cao nhất giữa hai kỳ đại hội cổ đông, có trách nhiệm quản lý và tổ chức thực hiện các nghị quyết của đại hội cổ đông cùng kỳ, có toàn quyền nhân danh công ty, thay mặt cổ đông để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội cổ đông được quy định trong điều lệ của Công ty.

- Ban kiểm soát do Đại hội cổ đông bầu ra và chịu trách nhiệm trước các cổ đông và pháp luật về những kết quả công việc của Ban kiểm soát với Công ty.

- Tổ chức bộ máy quản lý của công ty bao gồm: Tổng giám đốc điều hành, 03 Phó Tổng giám đốc do HĐQT bổ nhiệm và 01 Trưởng phòng Kế toán Thống kê Tài chính do Tổng Giám đốc bổ nhiệm; là cơ quan tổ chức điều hành, quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty theo mục tiêu, định hướng chiến lược và kế hoạch mà Đại hội cổ đông và HĐQT đã thông qua.

\* Tổ chức bộ máy của Công ty hiện nay được phân chia theo chức năng gồm:

- 13 Phòng ban
- 01 Ban quản lý dự án
- 08 Phân xưởng
- 01 Xí nghiệp tiêu thụ
- 01 Chi nhánh Quảng Trị

- 01 Trạm kinh doanh xăng dầu Ninh Bình.

- 01 Trạm y tế.

2.2. Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành:

**a, Ông Trần Việt Thắng:**

Chức vụ hiện tại: Tổng Giám đốc Tổng Công ty CN xi măng Việt Nam  
Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần xi măng Bim Sơn

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 29/02/1968

Quê quán: An Hoà, Biên Hoà, Đồng Nai.

Quốc tịch: Việt Nam

CMTND số: 0 2 2 6 1 7 9 8 5

Địa chỉ thường trú: Số nhà 62 Khu phố 2, P.Trường Thọ, Quận Thủ Đức, TP.Hồ Chí Minh.

Số điện thoại di động: 0903.907.570

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

\* Quá trình công tác:

- Từ 10/1989 đến 10/1992: Kỹ sư Ban CBSX - XM Hà Tiên mở rộng.
- Từ 10/1992 đến 06/1994: Kỹ sư tổ đầu tư - Công ty xi măng Hà Tiên 1.
- Từ 07/1994 đến 06/1999: Trợ lý Tổng Giám đốc, Trưởng phòng Cung ứng, Trưởng đại diện tại Hà Nội - Công ty LD xi măng Sao Mai.
- Từ 06/1999 đến 09/1999: Trợ lý Giám đốc Công ty xi măng Hà Tiên 1.
- Từ 10/1999 đến 06/2001: Phó Giám đốc - Phụ trách xí nghiệp tiêu thụ và dịch vụ xi măng Hà Tiên 1.
- Từ 06/2001 đến 07/2007: Giám đốc xí nghiệp tiêu thụ và dịch vụ xi măng Hà tiên 1, Phó Giám đốc Công ty xi măng Hà Tiên 1.
- Từ 08/2005 đến 07/2007: Ủy viên Ban chấp hành Đảng bộ Công ty xi măng Hà Tiên 1.
- Từ 07/2007 đến 12/04/2010: Trợ lý Tổng Giám đốc Tổng Công ty Công nghiệp xi măng Việt Nam.
- Từ 12/04/2010 đến 15/09/2013: Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Công nghiệp xi măng Việt Nam.
- Từ 15/09/2013 đến nay: Tổng Giám đốc Tổng Công ty Công nghiệp xi măng Việt Nam.
- Từ 07/05/2010 đến nay: Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần xi măng Bim Sơn.

**b, Ông Ngô Sỹ Túc**

Chức vụ hiện tại: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần xi măng Bim Sơn  
Tổng Giám Đốc Công ty cổ phần xi măng Bim Sơn.

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 14/01/1959

Quê quán: Xã Đông Hương, Thành phố Thanh Hoá.

Quốc tịch: Việt Nam  
CMTND số: 1 7 1 5 9 7 8 3 0  
Địa chỉ thường trú: Đường Chu Văn An, Phường Ba Đình, TX Bim Sơn, Thanh Hoá  
Số điện thoại di động: 0912.383.215  
Trình độ văn hoá: 10/10  
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Cơ khí

**\* Quá trình công tác:**

- Từ 01/1984 đến 02/1999: Sau khi tốt nghiệp Đại học ở Hungary vào nhận công tác tại Công ty xi măng Bim Sơn - làm Kỹ thuật viên.
- Từ 03/1999 đến 06/2003: Kỹ thuật viên Ban Quản lý dự án xi măng Bim Sơn.
- Từ 07/2003 đến 05/2004: Phó phòng Cơ khí Công ty xi măng Bim Sơn.
- Từ 06/2004 đến 05/2005: Phó phòng Kỹ thuật Ban Quản lý dự án Công ty xi măng Bim Sơn.
- Từ 06/2005 đến 10/2005: Biệt phái tại Dự án xi măng Hải Phòng.
- Từ 11/2005 đến 09/2006: Trở lại Phòng Kỹ thuật Ban Quản lý dự án xi măng Bim Sơn.
- Từ 10/2006 đến 20/01/2010: Phó Giám đốc Ban QLDA xi măng Bim Sơn.
- Từ 20/01/2010 đến 23/12/2013: Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần xi măng Bim Sơn, kiêm Phó Giám đốc Ban Quản lý dự án xi măng Bim Sơn.
- Từ 18/04/2012 đến nay: Thành viên Hội đồng quản trị
- Từ 24/12/2013 đến nay Tổng Giám đốc Công ty cổ phần xi măng Bim Sơn

**c, Ông Vũ Văn Hoan**

Chức vụ hiện tại: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần xi măng Bim Sơn  
Phó Tổng Giám Đốc Công ty cổ phần xi măng Bim Sơn.  
Bí thư Đảng ủy Công ty cổ phần xi măng Bim Sơn

Giới tính: Nam  
Sinh ngày: 02/04/1958  
Quê quán: Xã Nghĩa Phú, Huyện Nghĩa Hưng, Nam Định.  
Quốc tịch: Việt Nam  
CMTND số: 1 7 1 8 9 1 3 1 6

Địa chỉ thường trú: Phường Ba Đình, TX Bim Sơn, Thanh Hoá  
Số điện thoại cơ quan: 037.3 767 155  
Trình độ văn hoá: 10/10  
Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ

**\* Quá trình công tác:**

- Từ 09/1981 đến 04/1983: Kỹ sư, Nhà máy gạch Bim Sơn.
- Từ 05/1983 đến 12/1986: Cán bộ định mức, Nhà máy xi măng Bim Sơn.
- Từ 01/1987 đến 05/1990: Phó phòng CƯ VTTB Công ty xi măng Bim Sơn.
- Từ 05/1990 đến 02/1999: Phó phòng TCLĐ Công ty xi măng Bim Sơn.

- Từ 03/1999 đến 06/2004: Trưởng phòng kinh tế kế hoạch, Công ty xi măng Bim Sơn.
- Từ 07/2004 đến 04/2006: Phó Giám đốc ban quản lý dự án, công ty xi măng Bim Sơn.
- Từ 05/2006 đến 08/2006: Phó Giám đốc ban quản lý dự án, Công ty cổ phần xi măng Bim Sơn.
- Từ 09/2006 đến nay: Phó Giám đốc công ty, Giám đốc ban quản lý dự án dây chuyền mới nhà máy XM Bim Sơn.
- Từ 04/2008 đến nay: Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần xi măng Bim Sơn
- Từ 14/02/2014 đến nay: Bí thư Đảng ủy Công ty cổ phần xi măng Bim Sơn

**d, Ông Doãn Nam Khánh**

Chức vụ hiện nay: Thành viên HĐQT

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 10/09/1962

Quê quán: Xã Song Lãng, Huyện Vũ Thư, Tỉnh Thái Bình.

Quốc tịch: Việt Nam

CMTND số: 1 7 1 8 9 1 6 1 0

Địa chỉ thường trú: Khu phố 5, Phường Ba Đình, TX Bim Sơn, Thanh Hoá

Số điện thoại cơ quan: 037.3 825 453

Trình độ văn hoá: 10/10

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng; Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

**\* Quá trình công tác:**

- Từ 08/1986 đến 08/1988: Kỹ thuật viên nhà máy xi măng Bim Sơn.
- Từ 09/1988 đến 12/1993: Phó bí thư ĐTNCS Hồ Chí Minh nhà máy xi măng Bim Sơn.
- Từ 12/1993 đến 07/1994: Phó bí thư ĐTNCS Hồ Chí Minh Công ty xi măng Bim Sơn.
- Từ 08/1994 đến 09/1997: Chuyên viên Phòng KTKH - Công ty xi măng Bim Sơn.
- Từ 10/1997 đến 12/1999: Phó Quản đốc xưởng Công trình, Công ty xi măng Bim Sơn.
- Từ 01/2000 đến 09/2004: Quản Đốc xưởng SCCT - Công ty xi măng Bim Sơn.
- Từ 10/2004 đến 04/2007: Trưởng Phòng KTKH - Công ty cổ phần xi măng Bim Sơn.
- Từ 01/05/2007 đến 07/05/2009: Thành viên HĐQT/Giám Đốc điều hành Công ty CP Bao Bì Bim Sơn.
- Từ 07/05/2009 đến nay: Thành viên HĐQT Công ty cổ phần xi măng Bim Sơn.

**e, Ông Đỗ Tiến Trình**

Chức vụ hiện tại: Phó Tổng Giám Đốc Công ty cổ phần xi măng Bim Sơn.

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 14/06/1979

Quê quán: Xã Xuân Vinh, Huyện Thọ Xuân, Tỉnh Thanh Hóa.

Quốc tịch: Việt Nam

CMTND số: 1 7 1 8 4 8 3 0 6

Địa chỉ thường trú: Khu 4 - Lam Sơn - Bỉm Sơn - Thanh Hóa

Số điện thoại cơ quan:

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Silicat; Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

\* Quá trình công tác:

- Từ tháng 09/2002-11/2002: Hợp đồng thử việc tại Phòng Điều hành sản xuất Công ty Cổ phần Xi măng Bỉm Sơn.

- Từ tháng 11/2002-8/2003: Nhân viên vận hành trung tâm Phòng Điều hành sản xuất Công ty Cổ phần Xi măng Bỉm Sơn

- Từ tháng 08/2003-7/2008: Kỹ thuật viên Phòng Điều hành sản xuất Công ty Cổ phần Xi măng Bỉm Sơn.

- Từ tháng 07/2008-11/2011: Phó trưởng phòng Phòng Kỹ thuật - Ban quản lý dự án Công ty Cổ phần Xi măng Bỉm Sơn

- Từ tháng 11/2011-1/3/2012: Phụ trách phòng Phòng Kỹ thuật sản xuất Công ty Cổ phần Xi măng Bỉm Sơn.

- Từ ngày 01/3/2012 đến nay: Trưởng phòng phòng Kỹ thuật sản xuất Công ty Cổ phần Xi măng Bỉm Sơn.

- Từ ngày 01/10/2014 đến nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần xi măng Bỉm Sơn

**f, Ông Nguyễn Văn Châu**

Chức vụ hiện tại: Phó Tổng Giám Đốc Công ty cổ phần xi măng Bỉm Sơn.

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 16/06/1956

Quê quán: Xã Đồng Văn, Huyện Tân Kỳ, Nghệ An.

Quốc tịch: Việt Nam

CMTND số: 1 7 1 4 5 6 1 7 1

Địa chỉ thường trú: Phường Ba Đình, TX Bỉm Sơn, Thanh Hoá

Số điện thoại cơ quan: 037.3 824 789

Trình độ văn hoá: 10/10

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư

\* Quá trình công tác:

- Từ 08/1972 đến 10/1974: Thanh niên xung phong, đội 309 binh trạm 8 Nghệ An.

- Từ 11/1974 đến 04/1981: Sinh Viên Đại học Bách khoa Hà Nội.

- Từ 05/1981 đến 10/1985: Trưởng ca nhà máy xi măng Bỉm Sơn.

- Từ 01/1985 đến 10/1994: Kỹ thuật viên, Nhà máy xi măng Bỉm Sơn.

- Từ 11/1994 đến 04/1998: Phó Quản đốc xưởng nghiền, Công ty xi măng Bỉm Sơn.

- Từ 05/1998 đến 05/2007: Quản đốc xưởng nghiền, Công ty xi măng Bỉm Sơn.

- Từ 06/2007 đến nay: Phó Giám đốc, Công ty cổ phần xi măng Bỉm Sơn.

**g, Ông Lê Huy Quân**

Chức vụ hiện tại: Trưởng phòng Kế toán Thống kê Tài chính

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 01/10/1965

Quê quán: Xã Tân Ninh - Huyện Triệu Sơn - Tỉnh Thanh Hóa

Quốc tịch: Việt Nam

Chứng minh thư số: 171.135.837 cấp ngày: 05/07/2006 tại: CA Thanh Hóa

Địa chỉ thường trú: Phường Ngọc Trạo - Thị Xã Bỉm Sơn - Tỉnh Thanh Hóa

Trình độ văn hóa: 10/10

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

**\* Quá trình công tác:**

- Từ 06/1983 đến 02/1984: Công nhân tiếp nhận nhà máy xi măng.

- Từ 1984 đến 1985: Học trung cấp kế toán, chuyên ngành kinh tế công nghiệp - Trường trung học xây dựng số 1 Thanh Hóa.

- Từ 1987 đến 1992: Học đại học tại chức chuyên ngành kinh tế công nghiệp - Trường đại học bách khoa Hà Nội.

- Từ 03/1984 đến 10/1993: Kế toán xí nghiệp vật tư xây dựng số 405.

- Từ 11/1993 đến 11/2006: Kế toán công ty xi măng Bỉm Sơn.

- Từ 08/1998 đến 09/1999: Học bồi dưỡng Kế toán Trưởng.

- Từ 2003 đến 2005: Học trung cấp lý luận chính trị - Trường chính trị tỉnh Thanh Hóa.

- Từ 08/2003 đến 11/2007: Học đại học tại chức, chuyên ngành Kế toán - Trường Đại học Thương mại Hà Nội.

- Từ 09/2007 đến 09/2009: Học Thạc sỹ chuyên ngành Quản Trị Kinh Doanh - Trường đại học HELP.

- Từ 12/2006 đến 01/2012: Phó phòng kế toán - Công ty cổ phần xi măng Bỉm Sơn.

- Từ 02/2012 đến 07/2012: Phụ trách phòng kế toán - Công ty cổ phần xi măng Bỉm Sơn.

- Từ 08/2012 đến nay: Trưởng phòng kế toán - Công ty cổ phần xi măng Bỉm Sơn.

**2.3. Tóm tắt lý lịch của các thành viên Ban kiểm soát**

**a, Ông Tạ Duy**

Chức vụ hiện tại: Phó ban Thanh tra pháp chế của Tổng công ty CN XM Việt Nam.  
Trưởng Ban Kiểm soát Công ty CP xi măng Bỉm Sơn.

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 20/09/1960

Quê quán: Xã Đồng Tiến - Huyện Khoái Châu - Hưng Yên

Quốc tịch: Việt Nam

CMTND số: 0 1 0 4 5 1 1 4 1

Địa chỉ thường trú: Số 14, Ngõ 60, Phố Ngọc Hà, P.Đội Cấn, Ba Đình, Hà Nội.

Số điện thoại di động: 0913.012.912



Trình độ văn hoá: 10/10  
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

**\* Quá trình công tác:**

- Từ 02/1982 đến 01/1988: Chuyên viên Liên hiệp các Xí nghiệp Gạch ngói sành sứ - Bộ Xây dựng.
- Từ 02/1988 đến 01/1990: Chuyên viên phòng Kế hoạch Nhà máy gạch Từ Liêm.
- Từ 02/1990 đến 07/1991: Chuyên viên phòng Kế toán TC Liên hiệp các XN Xi măng.
- Từ 08/1991 đến 02/1999: Chuyên viên phòng Kế toán Công ty Xuất nhập khẩu xi măng.
- Từ 03/1999 đến 03/2004: Phó trưởng phòng phụ trách phòng Kế toán TCTK Công ty Xuất nhập khẩu xi măng.
- Từ 04/2004 đến 12/2005: Trưởng Phòng Kế toán TCTK Công ty Xuất nhập khẩu xi măng.
- Từ 01/2006 đến 06/2010: Kế toán trưởng TCTK Công ty Xuất nhập khẩu xi măng Việt Nam.
- Từ 06/2010 đến nay: Phó ban Thanh tra pháp chế của Tổng công ty công nghiệp xi măng Việt Nam.
- Từ 26/04/2011 đến nay: Trưởng ban Kiểm soát Công ty cổ phần xi măng Bim Sơn. (Bổ nhiệm Trưởng ban Kiểm soát của Công ty từ ngày 26/04/2011).

**b, Ông Hà Văn Diên**

Chức vụ hiện tại: Phó phòng Kế toán Tài chính Ban QLDA - Công ty CP xi măng Bim Sơn.  
Thành viên Ban Kiểm soát Công ty CP xi măng Bim Sơn

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 02/12/1961

Quê quán: Hoàng Trinh, Hoàng Hóa, Thanh Hóa

Quốc tịch: Việt Nam

CMTND số: 1 7 1 4 9 4 1 6 3

Địa chỉ thường trú: SN 176, Trần Phú, Phường Lam Sơn, TX.Bim Sơn, Thanh Hóa

Số điện thoại cơ quan: 037.3 824.880

Trình độ văn hoá: 10/10

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế - Chuyên ngành Kế toán Tài chính

**\* Quá trình công tác:**

- Từ 03/1979 đến 10/1983: Quân nhân QĐND Việt Nam.
- Từ 11/1983 đến 11/1991: NV Kế toán XN Vật tư XD số 405 - Xí nghiệp CU xi măng.
- Từ 12/1991 đến 12/1998: NV Kế toán Trung tâm GD tiêu thụ - Công ty XM Bim Sơn (Từ 1991 đến 1995: Học tại chức Trường Đại học Tài chính Kế toán).
- Từ 01/1999 đến 11/7/2004: Trưởng ban Kế toán Chi nhánh Công ty CP xi măng Bim Sơn tại Thanh Hóa.

- Từ 12/7/2004 đến 28/2/2006: NV Kế toán Ban QLDA - Công ty CP xi măng Bim Sơn.
- Từ 01/03/2006 đến nay: Phó phòng Kế toán Tài chính Ban QLDA - Công ty CP xi măng Bim Sơn.
- Từ 26/04/2011 đến nay: Thành viên Ban Kiểm soát Công ty CP xi măng Bim Sơn (Bổ nhiệm Thành viên BKS từ ngày 26/04/2011)

**c, Ông Tăng Xuân Trường**

Chức vụ hiện tại: Thành viên Ban kiểm soát Công ty  
Phó phòng Tổ chức lao động.

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 26/06/1957

Quê quán: Xã Hưng Lộc, Huyện Hậu Lộc, Thanh Hoá.

Quốc tịch: Việt Nam

CMTND số: 1 7 1 6 2 8 4 5 5

Địa chỉ thường trú: Phường Đông Sơn, TX Bim Sơn, Thanh Hoá

Số điện thoại cơ quan: 037.3 825 793

Trình độ văn hoá: 10/10

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Luật

\* Quá trình công tác:

- Từ 10/1976 đến 08/1980: Bộ đội, Quân đoàn II.
- Từ 09/1980 đến 04/1985: Sinh viên đại học luật Hà Nội.
- Từ 05/1985 đến 09/2000: Nhân viên pháp chế, công ty xi măng Bim Sơn.
- Từ 10/2000 đến 04/2006: Phó phòng tổ chức lao động, Công ty xi măng Bim Sơn.
- Từ 05/2006 đến nay: Thành viên ban kiểm soát, Phó phòng Tổ chức lao động, Công ty cổ phần xi măng Bim Sơn.

**d, Ông Trịnh Hữu Hạnh**

Chức vụ hiện tại: Thành viên Ban kiểm soát Công ty  
Trưởng phòng kỹ thuật - Ban QLDA Công ty CP xi măng Bim Sơn

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 18/05/1957

Quê quán: Xã Cầu Lộc, Huyện Hậu Lộc, Thanh Hoá.

Quốc tịch: Việt Nam

CMTND số: 1 7 1 5 4 5 5 8 6

Địa chỉ thường trú: Phường Lam Sơn, TX Bim Sơn, Thanh Hoá

Số điện thoại cơ quan:

Trình độ văn hoá: 10/10

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng

\* Quá trình công tác:

- Từ 08/1978 đến 10/1981: Bộ đội E273-F341A Campuchia.

- Từ 11/1981 đến 06/1983: Học tiếp trường THXD số 3.
- Từ 07/1983 đến 09/1996: Công nhân công ty xi măng Bim Sơn
- Từ 10/1996 đến 04/1999: Cán bộ kỹ thuật, công ty xi măng Bim Sơn
- Từ 05/1999 đến 06/2004: Cán bộ kế hoạch, phòng kế hoạch, Công ty xi măng Bim Sơn.
- Từ 07/2004 đến 04/2006: Phó phòng kỹ thuật, Ban QLDA, Công ty xi măng Bim Sơn.
- Từ 05/2006 đến 10/2009: Thành viên Ban kiểm soát, Phó phòng kỹ thuật - Ban Quản lý dự án, Công ty cổ phần xi măng Bim Sơn.
- Từ 11/2009 đến 07/2012: Thành viên Ban kiểm soát, Quyền Trưởng phòng kỹ thuật - Ban Quản lý dự án, Công ty cổ phần xi măng Bim Sơn.
- Từ 08/2012 đến nay : Thành viên Ban kiểm soát, Trưởng phòng kỹ thuật - Ban Quản lý dự án, Công ty cổ phần xi măng Bim Sơn.

**e, Ông Lê Văn Bằng**

Chức vụ hiện tại: Thành viên Ban kiểm soát Công ty.  
Phó phòng Thí nghiệm KCS.

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 24/04/1963

Quê quán: Xã Đồng Lộc, Huyện Hậu Lộc, Thanh Hoá.

Quốc tịch: Việt Nam

CMTND số: 1 7 0 1 5 4 9 1 0

Địa chỉ thường trú: Phường Đông Sơn, TX Bim Sơn, Thanh Hoá

Số điện thoại cơ quan:

Trình độ văn hoá: 10/10

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Silicát

**\* Quá trình công tác:**

- Từ 04/1983 đến 01/1988: Công Nhân xí nghiệp lắp máy 45-1
- Từ 02/1988 đến 12/1994: Công nhân, Công ty xi măng Bim Sơn.
- Từ 01/1995 đến 02/1997: Trưởng ca, Công ty xi măng Bim Sơn.
- Từ 03/1997 đến 04/2006: Kỹ thuật viên, phòng kỹ thuật sản xuất, Công ty xi măng Bim Sơn.
- Từ 05/2006 đến tháng 04/2007: Ủy viên ban kiểm soát, kỹ thuật viên, phòng kỹ thuật sản xuất, Công ty xi măng Bim Sơn.
- Từ 05/2007 10/2011: Thành viên ban kiểm soát, Phó phòng kỹ thuật sản xuất, Công ty cổ phần xi măng Bim Sơn.
- Từ 11/2011 đến nay: Phó phòng TN-KCS, Công ty cổ phần xi măng Bim Sơn.

**2.4. Thay đổi trong Ban điều hành:**

Trong năm 2014, Ban điều hành có sự thay đổi như sau:

- Ông Đỗ Tiến Trình được bổ nhiệm là Phó Tổng Giám đốc công ty

## 2.5. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động:

### a, Tình hình lao động:

Tổng số CBCNV của công ty tại thời điểm ngày 31/12/2014: 1.931 người.

### b, Chính sách đối với người lao động:

- Các cán bộ, công nhân viên của Công ty đều được đào tạo đầy đủ, Công ty thường tổ chức các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ, nâng cao tay nghề cho công nhân, thợ vận hành và thường xuyên tổ chức các hội thi tay nghề, nghiệp vụ nhằm khuyến khích động viên tinh thần học tập nâng cao trình độ tay nghề của công nhân viên chức. Đối với cán bộ quản lý Công ty tổ chức các lớp đào tạo mời các cơ quan chức năng, các trường đào tạo lên lớp, bồi dưỡng, nhằm nâng cao trình độ quản lý cho cán bộ.

- Công ty cũng có các chính sách quan tâm, đãi ngộ thỏa đáng nhằm khuyến khích động viên người lao động như:

+ Hằng năm, người lao động được nghỉ phép theo tiêu chuẩn và được cộng thêm ngày nghỉ thâm niên theo quy định của Bộ Luật lao động.

+ Hằng năm Công ty đều tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động.

+ Việc trích nộp Bảo hiểm y tế, bảo hiểm thân thể 24/24 và Bảo hiểm xã hội cho người lao động luôn được Công ty thực hiện tốt theo quy định.

+ Công ty thực hiện chế độ làm việc 40h/tuần. Thực hiện việc trích bồi dưỡng các chế độ ăn ca, chống nóng và tiền chè nước cho người lao động.

+ Tổ chức nghỉ điều dưỡng, phục hồi chức năng cho người lao động có sức khỏe từ loại III trở lên hoặc mới ốm dậy.

## 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

### a, Các khoản đầu tư lớn:

+ Dự án Dây chuyền mới:

- Hoàn thành quyết toán và kiểm toán 68/68 gói thầu. Thanh lý thêm 11 gói thầu.

- Hoàn thành kiểm kê, đánh giá, định giá và bàn giao VTTB dư thừa sau thi công cho Công ty quản lý và sử dụng.

+ Dự án Trung tâm điều hành Vicem Bim Sơn:

UBND tỉnh Thanh Hóa đã giao đất thi công giai đoạn 1 và tiến hành khởi công và đang triển khai xây dựng hàng rào.

+ Dự án Nghiền xi măng đến Đóng bao và kho chứa:

Hoàn thành lập, thẩm định dự án ĐTXD và đang xin thỏa thuận phê duyệt của cấp trên.

+ Dự án tuyển băng tải vận chuyển đá sạch, vận chuyển xi măng:

Đã lựa chọn và ký kết hợp đồng với các nhà thầu thi công

+ Dự án mở rộng nâng cấp đường Trần Nhân Tông

Hoàn thành công tác lập dự án đầu tư và đang tiến hành thẩm định hồ sơ

+ Dự án cải tạo đường Trần Hưng Đạo

Đã lựa chọn được nhà thầu thi công và đang tổ chức thi công.

+ Dự án sửa chữa và cải tạo cooler lò nung số 2

Hoàn thành lập, phê duyệt dự án, hồ sơ mời thầu. Xong đang xem xét lại Phương án kỹ thuật theo đề xuất của IKN - chi phí đầu tư thấp hơn.

*b, Các công ty con, công ty liên kết:*

\* Tình hình hoạt động:

Công ty cổ phần xi măng Miền Trung (CRC) nằm trên địa bàn khu kinh tế Dung Quất - Tỉnh Quảng Ngãi với công suất thiết kế 500.000 tấn/năm. Sau thời gian đầu tư xây dựng đến ngày 01/05/2013 CRC chính thức kết thúc giai đoạn dự án chuyển sang giai đoạn sản xuất kinh doanh.

Trong năm 2014 với rất nhiều khó khăn cả trong sản xuất và tiêu thụ, tuy nhiên với những nỗ lực của Công ty cổ phần xi măng Bim Sơn cũng như nội tại CRC. CRC đã có những kết quả khả quan:

- Tổng sản phẩm sản xuất: 289.823 tấn
- Tổng sản phẩm tiêu thụ: 283.301 tấn.
- Thị phần tại Quảng Ngãi: 35 %.

Năm 2015 với mục tiêu tiêu thụ 350.000 tấn/năm CRC đã có những mục tiêu hành động cụ thể:

- Tiếp tục cải tạo, nâng cấp thiết bị để đưa năng suất vượt công suất thiết kế.
- Tìm nguồn nguyên liệu phụ gia cung cấp ổn định, đạt chất lượng thương thảo hạ giá mua vào một cách hợp lý.
- Ổn định chất lượng các chủng loại sản phẩm cung cấp.
- Tìm kiếm thêm các khách hàng mới để gia tăng sản lượng.
- Kiểm soát chặt chẽ ngân sách các đơn vị, tiết giảm chi phí.

\* Tình hình tài chính của công ty con CRC:

*Đvt: Triệu đồng*

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	335.665	339.136	1,03
Doanh thu thuần	27.197	96.994	256,63
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(26.555)	1.194	104,5
Lợi nhuận khác	235	135	(42,6)
Lợi nhuận trước thuế	(26.320)	1.328	105,0
Lợi nhuận sau thuế	(26.320)	1.328	105,0

#### 4. Tình hình tài chính:

##### a) Tình hình tài chính

Đvt: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	5.572	5.429	(2,6)
Doanh thu thuần	3.729	4.333	16,2
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(16,684)	202,953	1.316
Lợi nhuận khác	6,967	3,368	(51,7)
Lợi nhuận trước thuế	(9,717)	206,321	2.223
Lợi nhuận sau thuế	(11,168)	163,190	1.561

##### b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	2013	2014	Ghi chú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:	0,5	0,5	
+ Hệ số thanh toán nhanh:	0,3	0,3	
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,8	0,7	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	3,9	2,7	
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho:	7,9	9,4	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,7	0,8	
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	-0,003	0,04	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	-0,01	0,13	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	-0,002	0,03	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	-0,004	0,05	

#### 5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

##### a) Cổ phần

- Tổng số cổ phần: 95.661.397 cổ phần
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 95.661.397 cổ phần
- Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần

##### b) Cơ cấu cổ đông

- Nhà nước: 69.972.062 cổ phần, chiếm 73,146%.
- Cá nhân và các tổ chức khác: 25.689.335 cổ phần, chiếm 26,854%.

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Trong năm 2014, Công ty không chào bán cổ phiếu, không phát hành cổ phiếu thưởng

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Công ty không có cổ phiếu quỹ

e) Các chứng khoán khác: Không có

### III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc

#### 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2014, tiếp tục là một năm đầy khó khăn đối với nền kinh tế nói chung và ngành xi măng nói riêng... Tuy nhiên, bằng nỗ lực vượt bậc của mình, Công ty đã đạt được những thành tích đáng kể, vượt mục tiêu Nghị quyết Đại hội cổ đông năm 2014 đã đề ra. Cụ thể:

Tổng tiêu thụ năm 2014 (tấn)

Chỉ tiêu	TH 2013	TH 2014	NQ 2014	% So sánh với	
				TH 2013	NQ 2014
<b>Tổng tiêu thụ</b>	<b>3.939.509</b>	<b>4.325.602</b>	<b>4.045.000</b>	<b>109</b>	<b>107</b>
Xi măng	3.451.276	3.573.126	3.795.000	104	94
Clinker bán	488.232	752.475	250.000	147	301

Sản lượng tiêu thụ tại các địa bàn (tấn)

Địa bàn	Năm 2013	Năm 2014			So với 2013
		TH	NS	% HT	
Hà Nội	482.194	448.470	521.000	86	93
Hòa Bình; Sơn La	65.697	54.146	75.000	72	82
Nam Định	398.499	324.763	420.000	77	81
Thanh Hóa	912.971	1.021.531	975.000	105	112
Nghệ An	226.513	266.691	230.000	116	118
Hà Tĩnh	228.712	213.211	255.000	84	93
Quảng Bình	91.426	74.363	109.000	68	81
Quảng Trị	137.611	201.538	158.000	128	146
T.T.Huế	51.739	61.033	80.000	76	118
Đ.N; Q.N; Q.Ng	116.343	298.475	301.000	99	257
Xuất khẩu, xuất khác	487.269	382.609	400.000	96	79

Thị phần tại các địa bàn (%)

STT	Địa bàn	TH 2013	TH 2014	So sánh cùng kỳ (+/-%)
1	Hà Nội	38%	37%	-1%
2	Nam Định	37%	32%	-5%
3	Thanh Hóa	50%	53%	+3%
4	Nghệ An	13%	13%	0%
5	Hà Tĩnh	43%	28%	-15%
6	Quảng Bình	27%	22%	-5%
7	Quảng Trị	48%	55%	+7%
8	T.T.Huế	15%	16%	+1%
9	Quảng Ngãi	17%	35%	+18%

Kết quả hoạt động sản xuất (tấn)

Chỉ tiêu	TH 2013	TH 2014	NS 2014	% So sánh với	
				TH 2013	NS 2014
<b>Clinker sản xuất</b>	<b>2.693.444</b>	<b>3.041.804</b>	<b>3.030.000</b>	<b>113</b>	<b>100</b>
Lò 2	957.635	1.225.749	1.223.000	128	100
Lò 3	1.735.808	1.816.055	1.807.000	105	101
<b>XM bột tại NM</b>	<b>2.898.995</b>	<b>2.685.944</b>	<b>2.831.000</b>	<b>93</b>	<b>95</b>
<b>XM bột tại CN Q.Trị</b>	<b>198.921</b>	<b>256.215</b>	<b>247.000</b>	<b>129</b>	<b>104</b>

2. Tình hình tài chính

Năm 2014, Công ty đã thực hiện có hiệu quả các giải pháp tài chính

- Kiểm soát chặt chẽ dòng tiền, đảo các khoản vay có lãi suất cao.
- Kiểm soát chặt chẽ ngân sách các đơn vị
- Phối hợp lập thủ tục thanh lý tài sản, vật tư ứ đọng không còn sử dụng.
- Đàm phán, thỏa thuận với các nhà cung cấp để: giảm giá bán và thời hạn thanh

toán.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý

- Hoàn thành việc thành lập, sắp xếp lao động các đơn vị: Đội cân điện tử, sắp xếp lại các tổ, đội xưởng Sửa chữa công trình, xưởng Sửa chữa cơ khí và Tổng kho VTTB.
- Hoàn thành xây dựng bước 1 hệ thống thang lương.
- Lao động đến ngày 31/12/2014 là 1.931 người.
- Giải quyết chính sách cho người lao động là 102 người, trong đó nghỉ hưu sớm và chấm dứt hợp đồng lao động là 60 người (với số tiền ủng hộ là 5,9 tỷ đồng)
- Rà soát, sửa đổi và ban hành 11 quy định nội bộ Công ty.



#### 4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Năm 2015 dự báo nền kinh tế thế giới tăng trưởng khoảng 4%, trong đó Mỹ tăng trưởng 3%, khu vực đồng Euro tăng 1,4%. Tuy nhiên một số nước gặp khó khăn về tài chính và tình hình bất ổn về chính trị sẽ kéo tăng trưởng chậm.

Kinh tế Việt Nam năm 2015 dự báo có mức phục hồi cao hơn năm 2014 và mức tăng trưởng khoảng 6%-6,2%. CPI khoảng 5%. Lãi vay 5%-7%. Tổng nguồn vốn đầu tư phát triển toàn xã hội khoảng 30% GDP.

Từ những thách thức nêu trên để phát triển một cách bền vững Công ty đặt ra các mục tiêu phấn đấu và thực hiện trong năm 2015 ở các lĩnh vực cụ thể như sau:

- Clinker sản xuất: 2.915.000 tấn
- Tiêu thụ sản phẩm: 4.097.000 tấn  
Trong đó: Xi măng: 3.582.000 tấn; Clinker: 515.000 tấn
- Doanh thu thuần: 4.192,952 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế: 220,18 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế: 171,74 tỷ đồng
- Dự kiến mức cổ tức: 0%/năm

5. Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Không có

#### IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

##### 1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về kết quả thực hiện năm 2014

Năm 2014, tốc độ tăng trưởng GDP tăng 5,98% trong đó khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 7,14% so với năm 2013; chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 12 năm 2014 tăng ở mức 1,8%; Xuất siêu đạt 2 tỷ USD bằng 1,31% tổng kim ngạch xuất khẩu. Với các chỉ số này đã phản ánh, tuy nền kinh tế vẫn còn nhiều khó khăn nhưng đã có nhiều chuyển biến tích cực, đúng hướng với mục tiêu ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát; tăng trưởng hợp lý và nâng cao chất lượng, hiệu quả, sức mạnh cạnh tranh của nền kinh tế.

Tổng sản lượng tiêu thụ năm 2014 đạt 48,77 triệu tấn, tăng 6,5% so với năm 2013. Thị phần xi măng của Vicem năm 2014 là 35,5% tăng 0,7% so với năm 2013.

Nhìn chung nền kinh tế Việt Nam nói chung và ngành xi măng nói riêng trong năm 2014 có chuyển biến nhưng chậm chạp.

Trước bối cảnh khó khăn đó, HĐQT đã chỉ đạo quyết liệt công tác SXKD của Công ty thông qua các chủ trương, giải pháp đồng bộ bằng những Nghị quyết cụ thể, linh hoạt đáp ứng được sự phát triển của Công ty.

Kết quả một số chỉ tiêu chủ yếu:

- Sản xuất Clinker: 3.041.804 tấn, đạt 100,4% so với Nghị quyết ĐHĐCĐ và bằng 113% so với năm 2013.

- Tiêu thụ sản phẩm: 4.325.602 tấn, đạt 107% so với Nghị quyết ĐHĐCĐ và bằng 110% so với năm 2013. Trong đó tiêu thụ xi măng tăng 4% so với năm 2013. Giữ vững và phát triển được thị phần ở các thị trường.

- Doanh thu thuần: 4.332,647 tỷ đồng, đạt 104% so với Nghị quyết ĐHĐCĐ và bằng 116% so với năm 2013.

- Lợi nhuận trước thuế 206,321 tỷ đồng bằng 129% so với Nghị quyết ĐHĐCĐ.

- Lợi nhuận sau thuế: 163,19 tỷ đồng.

- Nộp ngân sách: 86,925 tỷ đồng.

- Lãi cơ bản trên 1 cổ phiếu: 1.706 đồng /CP.

- Duy trì sản xuất ổn định, đảm bảo năng suất, chất lượng sản phẩm. Hầu hết mức tiêu hao vật tư giảm so với định mức; Nâng cao được mác nền Clinker lên từ 2-3 MPa so với năm 2013, tỷ lệ sử dụng Clinker trong xi măng ở mức thấp góp phần hạ giá thành sản phẩm.

- Đã hoàn thành kiểm toán đối với các gói thầu của dự án dây chuyền mới, đang làm các thủ tục để thanh lý. Triển khai các dự án đầu tư theo tinh thần Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2014.

## **2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty**

- Hội đồng quản trị thực hiện quyền giám sát đối với Tổng giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý thông qua việc thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao theo nghị quyết các cuộc họp.

- Năm 2014, Tổng Giám đốc điều hành đã thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ một cách linh hoạt, sáng tạo theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần xi măng Bim sơn. Bám sát kế hoạch ngân sách của Công ty, các Nghị quyết của Hội đồng quản trị để có biện pháp điều hành linh hoạt trong sản xuất kinh doanh, phối hợp nhịp nhàng giữa sản xuất và tiêu thụ; thực hành tiết kiệm chống lãng phí. Kết quả đạt được theo báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2014 và báo cáo tài chính năm 2014 đã được kiểm toán. Đảm bảo kết quả kinh doanh theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

## **3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị**

Năm 2015 nền kinh tế dự báo có mức tăng trưởng cao hơn năm 2014. Mức tăng trưởng GDP khoảng 6 ÷ 6,2 %, CPI khoảng 5%, lãi vay khoảng 5 ÷ 7 %/năm. Nguồn vốn đầu tư phát triển toàn xã hội khoảng 30% GDP.

- Ngành xi măng nói chung và xi măng Bim Sơn nói riêng tiếp tục sẽ gặp khó khăn trong thời gian tới: Cung cầu vẫn mất cân đối, áp lực trả nợ vay của các dự án, giá điện tăng; áp lực cạnh tranh để giành giật các NPP, các thị trường diễn biến phức tạp và ngày càng quyết liệt hơn,...

- Mục tiêu của Công ty là: Tiếp tục công tác tái cấu trúc lại toàn bộ Công ty, xây dựng mô hình cơ cấu tổ chức trên cơ sở sắp xếp lại các công đoạn sản xuất và quản trị tối ưu hóa theo chuỗi giá trị. Tiếp tục điều động và luân chuyển cán bộ nhằm phát huy tối đa khả năng của CBCNV; Triển khai xây dựng hệ thống thang bảng lương mới; Xây dựng hệ thống các quy trình trong quản lý, điều hành của Công ty; Tăng thị phần tiêu thụ xi măng tại các địa bàn cốt lõi, có lợi thế về vận tải, tiếp tục quản lý và đào tạo nâng cao trình độ của nhân viên. Kiểm soát chuỗi hệ thống phân phối, thị trường tiêu thụ để đẩy mạnh sản lượng tiêu thụ xi

măng. Đa dạng hóa sản phẩm, đặc biệt là xi măng cho phân khúc công nghiệp; Xây dựng và thực hiện chính sách chương trình nông thôn mới của tỉnh Thanh Hóa năm 2015...

## V. Quản trị công ty

### 1. Hội đồng quản trị:

a) Thành phần HĐQT: Gồm 05 thành viên

Họ và tên	Chức vụ	Tổng số CP	Nhà nước	Cá nhân
Trần Việt Thắng	Chủ tịch HĐQT	21.300.000	21.300.000	
Bùi Hồng Minh	TV.HĐQT - Tổng Giám đốc	13.500.000	13.500.000	
Vũ Văn Hoan	TV.HĐQT - Phó Tổng Giám đốc	11.710.800	11.700.000	10.800
Ngô Sỹ Túc	TV.HĐQT - Phó Tổng Giám đốc	10.800.500	10.800.000	500
Doãn Nam Khánh	TV.HĐQT	9.907.200	9.900.000	7.200

b) Hoạt động của Hội đồng quản trị

Đề triển khai triệt để và có hiệu quả các nội dung của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014. Hội đồng quản trị đã tiến hành họp theo định kỳ và ban hành các Nghị quyết của HĐQT. Cụ thể:

Trong năm 2014, HĐQT đã tổ chức 4 cuộc họp theo định kỳ và ban hành 6 Nghị quyết, như sau:

- Nghị quyết số: 514/NQ - HĐQT ngày 12/03/2014 về Mục tiêu - Nhiệm vụ chủ yếu quý II năm 2014.

- Nghị quyết số: 884/NQ-HĐQT ngày 23/04/2014 về việc thay đổi nhân sự tham gia quản lý phần vốn của Công ty cổ phần xi măng Bim Sơn tại Công ty cổ phần xi măng Miền Trung.

- Nghị quyết số: 1442/NQ-HĐQT ngày 03/07/2014 về việc trả tiền bồi thường giải phóng mặt bằng (Giai đoạn 1) dự án Khu trung tâm điều hành Vicem Bim Sơn.

- Nghị quyết số: 1755/NQ - HĐQT ngày 8/08/2014 về Mục tiêu - Nhiệm vụ chủ yếu quý III năm 2014.

- Nghị quyết số: 2585/NQ - HĐQT ngày 15/10/2014 về Mục tiêu - Nhiệm vụ chủ yếu quý IV năm 2014.

- Nghị quyết số: 751/NQ-HĐQT ngày 31/03/2015 về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2014, mục tiêu nhiệm vụ Quý I năm 2015.

*Nội dung các Nghị quyết trên tập trung giải quyết một số nội dung trọng tâm sau:*

Định hướng và chỉ đạo các giải pháp để thực hiện mục tiêu ngân sách năm 2014, nhiệm vụ các Quý trong năm 2014, bao gồm:

- Chỉ đạo các biện pháp để ổn định sản xuất, nâng cao năng suất thiết bị, nâng cao mức nền Clinker để giảm tỷ lệ sử dụng Clinker trong xi măng, tăng hiệu quả trong hoạt động SXKD.

- Chỉ đạo Công ty thực hiện thực hiện tốt các chính sách bán hàng, công tác phối hợp thị trường giữa các đơn vị trong Vicem nói riêng và trong ngành xi măng nói chung. Vì vậy thị trường và thị phần của Vicem Bim Sơn được giữ vững và phát triển.

- Chỉ đạo công tác tái cấu trúc lại Công ty.

- Chỉ đạo xây dựng KH ngân sách năm 2015 trình Đại hội đồng cổ đông quyết định.

## 2. Ban kiểm soát:

a) Thành phần Ban kiểm soát: Gồm 05 thành viên

Họ và tên	Chức vụ	Tổng số CP	Nhà nước	Cá nhân
Tạ Duy	Trưởng Ban Kiểm soát	2.772.062	2.772.062	
Hà Văn Diên	TV.BKS - PP.KTTC, Ban QLDA	500		500
Tăng Xuân Trường	TV.BKS - PP.TCLĐ	3.400		3.400
Trịnh Hữu Hạnh	TV.BKS - TP.Kỹ thuật, Ban QLDA	3.200		3.200
Lê Văn Bằng	TV.HĐQT - PP.Thí nghiệm KCS	3.200		3.200

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

Thực hiện chương trình công tác năm 2014, Ban Kiểm soát đã kiểm tra, giám sát chung các mặt quản lý trong sản xuất kinh doanh, trong đó tập trung vào công tác sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, chi phí bán hàng và quản lý công nợ. Trưởng Ban Kiểm soát đã tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị Công ty, Ban Kiểm soát đã thực hiện chế độ làm việc định kỳ và đột xuất, hoạt động kiểm tra, giám sát tuân thủ theo đúng Điều lệ và Quy chế tổ chức hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty.

Đánh giá về hoạt động năm 2014, Hội đồng quản trị Công ty đã bám sát Nghị quyết của ĐHĐCĐ và tình hình thực tế để kịp thời lãnh đạo, quản lý Công ty trong sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng và các mặt công tác khác. Hội đồng quản trị Công ty đều tổ chức họp hàng quý, Ban điều hành họp hàng tháng, hàng tuần để triển khai nghị quyết của HĐQT và kiểm điểm, phân tích, đánh giá kết quả thực hiện của tháng trước, quý trước, đưa ra các biện pháp, linh hoạt, phù hợp cho tháng sau, quý sau.

Trong năm qua, Hội đồng quản trị Công ty đã tổ chức 4 cuộc họp, đề ra 5 Nghị quyết với nhiều nội dung cụ thể cần thực hiện. Ban điều hành Công ty đã tích cực tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ và của Hội đồng quản trị Công ty. Kết quả thực hiện nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2014 như báo cáo ở phần trên. Một số nội dung cụ thể các mặt sản xuất, tiêu thụ, tài chính, đầu tư... đã được Tổng giám đốc công ty báo cáo.

Các kiến nghị của Ban Kiểm soát đều được Hội đồng quản trị, Ban điều hành Công ty thống nhất và chỉ đạo các phòng ban công ty có biện pháp tăng cường quản lý, thực hiện sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả hơn.

Năm 2014 cùng với sự chỉ đạo của Vicem, Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty đã phát huy vai trò lãnh đạo quản lý, linh hoạt, kịp thời trong hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng. Kết quả một số chỉ tiêu chính như sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, doanh thu, lợi nhuận đều đạt và vượt so với Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2014 đề ra.

### 3. Thư ký công ty:

Gồm các thành viên:

- Ông: Lê Văn Công - Phó Trưởng phòng KTKH, thôi làm nhiệm vụ Thư ký Công ty từ ngày 01/11/2014 theo Quyết định số 2816/QĐ-XMBS-HĐQT ngày 31/10/2014.

- Ông: Mai Sỹ Lưu - Phó Trưởng phòng TCLĐ, thôi làm nhiệm vụ Thư ký Công ty từ ngày 01/11/2014 theo Quyết định số 2816/QĐ-XMBS-HĐQT ngày 31/10/2014.

- Ông: Đỗ Tiến Trình - Phó Tổng Giám đốc Công ty, làm nhiệm vụ Thư ký Công ty kể từ ngày 01/11/2014 theo Quyết định 2818/QĐ-XMBS-HĐQT ngày 31/10/2014.

### 4. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát.

#### a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

Các Thành viên trong Ban Tổng Giám đốc không là Thành viên Hội đồng quản trị thì hưởng lương, thưởng theo chế độ và quy định của Công ty.

Các Thành viên Hội đồng quản trị và các Thành viên của Ban kiểm soát được hưởng mức thù lao mỗi tháng trong năm 2014, cụ thể là:

*DVT: đồng/người/tháng*

TT	Chức danh	Năm 2014
1	Chủ tịch HĐQT	5.000.000
2	Thành viên HĐQT	4.000.000
3	Trưởng Ban kiểm soát	4.000.000
4	Thành viên Ban kiểm soát	3.000.000
5	Thư ký công ty	3.000.000

(\*) : Mức thù lao hàng tháng do Đại hội cổ đông thông qua

b) *Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:* Không có

c) *Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:* Không có

#### d) *Thực hiện các quy định về quản trị công ty:*

Tiếp tục công tác tái cấu trúc toàn bộ Công ty, xây dựng mô hình cơ cấu tổ chức trên cơ sở sắp xếp lại các công đoạn sản xuất và quản trị tối ưu hóa theo chuỗi giá trị. Tiếp tục điều động và luân chuyển cán bộ nhằm phát huy tối đa khả năng của CBCNV.

Xây dựng hệ thống các quy trình trong quản lý, điều hành của Công ty

### VI. Báo cáo tài chính

Đơn vị kiểm toán độc lập: Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam

Trụ sở chính: 16 - Phan Chu Trinh - Hoàn Kiếm - Hà Nội - Việt Nam

Điện thoại: (84.4) 3831.5100

Fax: (84.4) 3831.5090

Email:

Website: [www.ey.com.vn](http://www.ey.com.vn)

*1. Ý kiến kiểm toán:*

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>1.282.122.774.598</b>	<b>1.142.351.199.140</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>5</b>	<b>352.259.961.902</b>	<b>131.893.562.231</b>
111	1. Tiền		141.876.559.694	97.226.650.233
112	2. Các khoản tương đương tiền		210.383.402.208	34.666.911.998
<b>120</b>	<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>6.832.418.778</b>	<b>68.000.001.000</b>
121	1. Đầu tư ngắn hạn	<b>6</b>	6.832.418.778	68.000.001.000
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>435.822.005.789</b>	<b>435.204.223.132</b>
131	1. Phải thu khách hàng	7.1	398.507.064.805	330.315.000.367
132	2. Trả trước cho người bán	7.2	32.408.146.671	96.908.510.349
135	3. Các khoản phải thu khác		8.427.083.956	9.876.633.271
139	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	7.1	(3.520.289.643)	(1.895.920.855)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>8</b>	<b>461.478.278.372</b>	<b>476.455.223.147</b>
141	1. Hàng tồn kho		464.151.949.165	476.455.223.147
	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(2.673.670.793)	-
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>25.730.109.757</b>	<b>30.798.189.630</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	<b>9</b>	18.394.554.453	4.005.621.121
154	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		6.016.613	17.861.214.420
158	3. Tài sản ngắn hạn khác		7.329.538.691	8.931.354.089
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>4.330.979.976.439</b>	<b>4.643.359.439.974</b>
<b>220</b>	<b>I. Tài sản cố định</b>		<b>4.254.389.087.353</b>	<b>4.507.169.034.792</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	<b>10</b>	4.169.981.424.114	4.428.565.093.951
222	Nguyên giá		6.815.451.617.824	6.751.751.582.245
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(2.645.470.193.710)	(2.323.186.488.294)
227	2. Tài sản cố định vô hình	<b>11</b>	8.771.086.000	8.974.580.627
228	Nguyên giá		10.720.699.028	10.793.700.028
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.949.613.028)	(1.819.119.401)
230	3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	<b>12</b>	75.636.577.239	69.629.360.214
<b>250</b>	<b>II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>-</b>	<b>20.032.417.778</b>
258	1. Đầu tư dài hạn khác		-	20.032.417.778
<b>260</b>	<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>62.713.879.713</b>	<b>100.615.736.906</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	<b>13</b>	62.713.879.713	100.615.736.906
<b>269</b>	<b>IV. Lợi thế thương mại</b>	<b>14</b>	<b>13.877.009.373</b>	<b>15.542.250.498</b>
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>5.613.102.751.037</b>	<b>5.785.710.639.114</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)  
ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
<b>300</b>	<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>4.141.980.663.762</b>	<b>4.648.579.103.788</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>2.703.090.703.789</b>	<b>2.404.085.822.090</b>
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	15	1.846.712.284.189	1.543.555.915.568
312	2. Phải trả người bán	16	680.574.255.777	724.890.064.409
313	3. Người mua trả tiền trước		6.948.160.692	4.075.571.303
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	47.627.949.459	17.568.099.949
315	5. Phải trả người lao động		51.656.897.789	25.804.446.718
316	6. Chi phí phải trả	18	43.395.069.912	27.111.934.185
319	7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	19	26.176.085.971	55.850.698.940
323	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		-	5.229.091.018
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>1.438.889.959.973</b>	<b>2.244.493.281.698</b>
333	1. Phải trả dài hạn khác		10.693.000	10.693.000
334	2. Vay và nợ dài hạn	20	1.438.879.266.973	2.241.990.993.210
334	3. Doanh thu chưa thực hiện		-	2.491.595.488
<b>400</b>	<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>1.447.072.285.278</b>	<b>1.113.252.235.010</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>21</b>	<b>1.447.072.285.278</b>	<b>1.113.252.235.010</b>
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		956.613.970.000	956.613.970.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		57.006.601.053	57.006.601.053
416	3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	(172.211.756.014)
417	4. Quỹ đầu tư phát triển		277.062.432.076	277.062.432.076
418	5. Quỹ dự phòng tài chính		28.155.543.156	28.155.543.156
420	6. Lợi nhuận/(lỗ lũy kế) sau thuế chưa phân phối		128.233.738.993	(33.374.555.261)
<b>439</b>	<b>C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>22</b>	<b>24.049.801.997</b>	<b>23.879.300.316</b>
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>5.613.102.751.037</b>	<b>5.785.710.639.114</b>

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>1. Ngoại tệ các loại:</b>		
- Đô la Mỹ (USD)	213	213
- Euro (EUR)	9.000.391	236



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

*Đơn vị tính: VNĐ*

<i>Mã số</i>	<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước (Trình bày lại)</i>
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.1	4.453.071.251.730	3.893.349.653.128
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	23.1	(119.125.964.125)	(164.657.583.527)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.1	4.333.945.287.605	3.728.692.069.601
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	24	(3.418.907.993.241)	(3.023.779.340.838)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và dịch vụ cung cấp		915.037.294.364	704.912.728.763
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23.2	147.902.811.680	9.537.603.049
22	7. Chi phí tài chính	25	(398.460.510.731)	(381.451.490.244)
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		<i>(221.114.266.341)</i>	<i>(275.332.362.621)</i>
24	8. Chi phí bán hàng		(280.204.151.436)	(203.504.711.595)
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		(182.387.408.211)	(174.201.365.984)
30	10. Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		201.888.035.666	(44.707.236.011)
31	11. Thu nhập khác	26	96.758.139.815	89.537.983.985
32	12. Chi phí khác	26	(93.255.390.709)	(82.787.488.094)
40	13. Lợi nhuận khác	26	3.502.749.106	6.750.495.891
50	14. Tổng lợi nhuận/(lỗ) trước thuế		205.390.784.772	(37.956.740.120)
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	28	(43.130.929.520)	(1.451.221.427)
60	16. Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế TNDN		162.259.855.252	(39.407.961.547)
61	<i>Trong đó:</i>			
	<i>Lãi/(lỗ) của các cổ đông thiểu số</i>	22	<i>170.501.681</i>	<i>(6.189.406.286)</i>
62	<i>Lãi/(lỗ) thuộc về các cổ đông của công ty mẹ</i>		<i>162.089.353.571</i>	<i>(33.218.555.261)</i>
70	17. Lãi/(lỗ) trên cổ phiếu	30		
	- Lãi/(lỗ) cơ bản		1.694	(347)
	- Lãi/(lỗ) suy giảm		1.694	(347)

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>01</b>	<b>Tổng lợi nhuận/(lỗ) trước thuế</b>		<b>205.390.784.772</b>	<b>(37.956.740.120)</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định		330.577.604.551	329.668.214.804
03	Dự phòng		4.298.039.581	-
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		29.282.521.777	101.972.637.662
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(6.150.052.646)	(14.637.161.521)
06	Chi phí lãi vay	25	221.114.266.341	275.332.362.621
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>784.513.164.376</b>	<b>654.379.313.446</b>
09	Giảm các khoản phải thu		16.773.530.632	110.217.160.672
10	Giảm/(tăng) hàng tồn kho		12.303.273.982	(22.325.298.816)
11	(Giảm)/tăng các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(63.403.896.256)	46.510.789.910
12	Giảm/(tăng) chi phí trả trước		23.512.923.861	(10.573.092.091)
13	Tiền lãi vay đã trả		(225.295.220.045)	(273.685.141.796)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	28	(787.751.152)	(19.371.810.806)
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(3.904.334.937)	(8.619.495.987)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>543.711.690.461</b>	<b>476.532.424.532</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định (TSCĐ) và các tài sản dài hạn khác		(24.531.461.688)	(39.831.300.514)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		1.929.452.728	10.441.740.000
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(554.032.418.778)	(185.032.418.778)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		635.232.418.778	227.000.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (trừ đi tiền thu về)		(26.679.352.697)	(61.409.583.593)
27	Tiền thu lãi tiền gửi		5.013.118.394	6.812.134.802
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động đầu tư</b>		<b>36.931.756.737</b>	<b>(42.019.428.083)</b>

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT(tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		2.400.022.598.776	2.031.066.508.009
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(2.758.419.644.556)	(2.425.128.860.597)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(358.397.045.780)	(394.062.352.588)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		222.246.401.418	40.450.643.861
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	5	131.893.562.231	91.442.918.370
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(1.880.001.747)	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	5	352.259.961.902	131.893.562.231

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG  
ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>1.299.217.093.702</b>	<b>1.143.271.838.989</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>5</b>	<b>334.562.473.236</b>	<b>131.030.407.565</b>
111	1. Tiền		124.179.071.028	96.363.495.567
112	2. Các khoản tương đương tiền		210.383.402.208	34.666.911.998
<b>120</b>	<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>6.832.418.778</b>	<b>68.000.001.000</b>
121	1. Đầu tư ngắn hạn	<b>6</b>	6.832.418.778	68.000.001.000
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>484.634.427.924</b>	<b>454.896.487.785</b>
131	1. Phải thu khách hàng	7.1	421.312.571.891	342.784.845.004
132	2. Trả trước cho người bán	7.2	60.655.061.720	103.354.843.395
135	3. Các khoản phải thu khác		6.187.083.956	10.652.720.241
139	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	7.1	(3.520.289.643)	(1.895.920.855)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>8</b>	<b>451.771.869.454</b>	<b>468.904.990.745</b>
141	1. Hàng tồn kho		454.445.540.247	468.904.990.745
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(2.673.670.793)	-
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>21.415.904.310</b>	<b>20.439.951.894</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	<b>9</b>	16.745.107.901	1.402.227.028
154	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		-	14.467.571.921
158	3. Tài sản ngắn hạn khác		4.670.796.409	4.570.152.945
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>4.129.422.060.729</b>	<b>4.428.492.119.656</b>
<b>220</b>	<b>I. Tài sản cố định</b>		<b>3.973.004.943.145</b>	<b>4.206.827.930.436</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	<b>10</b>	3.888.597.279.906	4.129.293.157.459
222	Nguyên giá		6.504.438.415.954	6.438.969.911.677
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(2.615.841.136.048)	(2.309.676.754.218)
227	2. Tài sản cố định vô hình	<b>11</b>	8.771.086.000	8.974.580.627
228	Nguyên giá		10.720.699.028	10.793.700.028
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.949.613.028)	(1.819.119.401)
230	3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	<b>12</b>	75.636.577.239	68.560.192.350
<b>250</b>	<b>II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>116.190.198.618</b>	<b>136.222.616.396</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con	<b>13</b>	116.190.198.618	116.190.198.618
258	2. Đầu tư tài chính dài hạn khác		-	20.032.417.778
<b>260</b>	<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>40.226.918.966</b>	<b>85.441.572.824</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	<b>14</b>	40.226.918.966	85.441.572.824
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>5.428.639.154.431</b>	<b>5.571.763.958.645</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)  
ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
<b>300</b>	<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>3.958.415.393.465</b>	<b>4.436.461.069.713</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>2.605.196.292.495</b>	<b>2.290.512.734.506</b>
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	15	1.815.159.865.411	1.497.118.496.790
312	2. Phải trả người bán	16	634.808.342.250	674.452.371.266
313	3. Người mua trả tiền trước		6.948.160.692	1.263.147.182
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	47.430.295.577	15.762.197.494
315	5. Phải trả người lao động		50.350.374.058	24.939.824.830
316	6. Chi phí phải trả	18	35.434.808.728	19.549.065.704
319	7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	19	15.064.445.779	52.198.540.222
323	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		-	5.229.091.018
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>1.353.219.100.970</b>	<b>2.145.948.335.207</b>
333	1. Phải trả dài hạn khác		10.693.000	10.693.000
334	2. Vay và nợ dài hạn	20	1.353.208.407.970	2.145.937.642.207
<b>400</b>	<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>1.470.223.760.966</b>	<b>1.135.302.888.932</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>21</b>	<b>1.470.223.760.966</b>	<b>1.135.302.888.932</b>
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		956.613.970.000	956.613.970.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		57.006.601.053	57.006.601.053
416	3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	(172.211.756.014)
417	4. Quỹ đầu tư phát triển		277.062.432.076	277.062.432.076
418	5. Quỹ dự phòng tài chính		28.155.543.156	28.155.543.156
420	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		151.385.214.681	(11.323.901.339)
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>5.428.639.154.431</b>	<b>5.571.763.958.645</b>

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Ngoại tệ các loại:		
- Đô la Mỹ (USD)	213	213
- Euro (EUR)	9.000.391	236

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
01	1. Doanh thu bán hàng	22.1	4.451.773.257.523	3.893.348.760.683
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22.1	(119.125.964.125)	(164.657.583.527)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng	22.1	4.332.647.293.398	3.728.691.177.156
11	4. Giá vốn hàng bán	23	(3.438.167.782.139)	(3.015.757.924.099)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng		894.479.511.259	712.933.253.057
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22.2	147.015.521.820	9.022.393.990
22	7. Chi phí tài chính	24	(384.803.869.506)	(369.732.575.187)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(207.457.625.116)	(263.696.159.918)
24	8. Chi phí bán hàng		(280.204.151.436)	(203.044.657.803)
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		(173.533.863.806)	(165.861.988.288)
30	10. Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		202.953.148.331	(16.683.574.231)
31	11. Thu nhập khác	25	101.609.356.460	89.954.791.983
32	12. Chi phí khác	25	(98.241.399.934)	(82.987.897.664)
40	13. Lợi nhuận khác		3.367.956.526	6.966.894.319
50	14. Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế		206.321.104.857	(9.716.679.912)
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	27	(43.130.929.520)	(1.451.221.427)
60	16. Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế TNDN		163.190.175.337	(11.167.901.339)

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>01</b>	<b>Tổng lợi nhuận/(lỗ) trước thuế</b>		<b>206.321.104.857</b>	<b>(9.716.679.912)</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định		312.793.039.840	317.926.218.898
03	Dự phòng		4.298.039.581	-
04	Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		29.282.521.777	102.405.958.614
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(6.037.454.148)	(15.006.697.505)
06	Chi phí lãi vay	24	207.457.625.116	263.696.159.918
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>754.114.877.023</b>	<b>659.304.960.013</b>
09	(Tăng)/giảm các khoản phải thu		(15.734.252.736)	64.629.553.183
10	Giảm/(tăng) hàng tồn kho		14.459.450.498	(14.775.066.414)
11	(Giảm)/tăng các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(63.511.995.059)	74.701.832.516
12	Giảm/(tăng) chi phí trả trước		29.871.772.985	(2.566.462.081)
13	Tiền lãi vay đã trả		(210.290.926.303)	(268.761.024.710)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	27	(787.751.152)	(19.371.810.806)
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(5.606.793.799)	(8.441.958.955)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>502.514.381.457</b>	<b>484.720.022.746</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định (TSCĐ) và các tài sản dài hạn khác		(17.484.800.245)	(27.210.388.342)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		1.929.452.728	10.441.740.000
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(554.032.418.778)	(185.032.418.778)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		635.232.418.778	227.000.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (trừ đi tiền thu về)		(34.517.975.040)	(80.541.941.760)
27	Tiền thu lãi tiền gửi		4.900.519.897	6.730.246.695
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động đầu tư</b>		<b>36.027.197.340</b>	<b>(48.612.762.185)</b>

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		2.400.022.641.217	2.011.034.089.231
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(2.733.152.152.596)	(2.407.553.860.597)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(333.129.511.379)	(396.519.771.366)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		205.412.067.418	39.587.489.195
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	5	131.030.407.565	91.442.918.370
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(1.880.001.747)	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	5	334.562.473.236	131.030.407.565

Bim Sơn, ngày 16 tháng 4 năm 2015

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  
TỔNG GIÁM ĐỐC



Ngô sỹ Túc